

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy  
ban nhân dân huyện Long Thành về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban  
nhân dân huyện Long Thành nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét đề nghị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Surman Việt Nam tại Văn  
bản số 03-MT/SURMANVN ngày 06 tháng 05 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy  
phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất các loại trục, lõi, ống, vỏ bằng  
thép dùng cuộn chỉ, sợi, giấy, nhựa... với công suất 3.500 tấn sản phẩm/năm; sản  
xuất pallet bằng thép công suất 3.500 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất  
không có công đoạn xi mạ); cho thuê nhà xưởng với diện tích 5.000 m<sup>2</sup>” và các  
hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
1399/TTr-TNMT ngày 11 tháng 10 năm 2024 và Văn bản số 4206/TNMT-MTKS  
ngày 29 tháng 10 năm 2024,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Surman Việt Nam, địa  
chỉ tại Lô L, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành,  
tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: “Nhà  
máy sản xuất các loại trục, lõi, ống, vỏ bằng thép dùng cuộn chỉ, sợi, giấy,  
nhựa... với công suất 3.500 tấn sản phẩm/năm; sản xuất pallet bằng thép công suất  
3.500 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ); cho  
thuê nhà xưởng với diện tích 5.000 m<sup>2</sup>” tại Lô L, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình  
Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án “Nhà máy sản xuất các loại trục, lõi, ống, vỏ bằng thép dùng



cuốn chỉ, sợi, giấy, nhựa...với công suất 3.500 tấn sản phẩm/năm; sản xuất pallet bằng thép công suất 3.500 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ); cho thuê nhà xưởng với diện tích 5.000 m<sup>2</sup>".

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô L, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3603186688 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2014, đăng kí thay đổi lần thứ 6 ngày 09 tháng 10 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3603186688

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại trục, lõi, ống, vỏ bằng thép dùng cuốn chỉ, sợi, giấy, nhựa...với công suất 3.500 tấn sản phẩm/năm; sản xuất pallet bằng thép công suất 3.500 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ); cho thuê nhà xưởng với diện tích 5.000 m<sup>2</sup>.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích nhà xưởng của dự án là 6.745,6 m<sup>2</sup> và diện tích cho thuê nhà xưởng 5.000 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất: Sản xuất các loại trục, lõi, ống, vỏ bằng thép dùng cuốn chỉ, sợi, giấy, nhựa...với công suất 3.500 tấn sản phẩm/năm; sản xuất pallet bằng thép công suất 3.500 tấn sản phẩm/năm (*trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ*); cho thuê nhà xưởng với diện tích 5.000 m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Surman Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Surman Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.



2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm khí thải sau xử lý đạt giới hạn quy chuẩn hiện hành; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 31 tháng 10 năm 2024 đến ngày 31 tháng 10 năm 2034).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận**

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Surman Việt Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (B/c);
- Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (3 bản chính);
- Trang Thông tin điện tử huyện Long Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Long An;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành;
- Lưu: VT - NN (PTN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

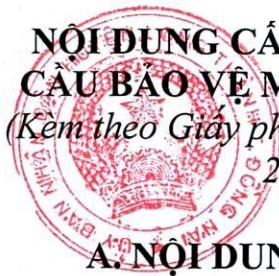


**Trần Văn Thân**



**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12965/GPMT-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, không xả ra môi trường).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Surman Việt Nam đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hố ga đầu nối

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án bao gồm nước từ nhà vệ sinh sẽ được thu gom theo đường ống nhựa PVC200 dẫn về hố ga nước thải chung của Nhà máy sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn để xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam 40:2011/BTNMT, Cột A, Kq = 0,9, Kf = 0,9 trước khi xả ra suối Bung Môn.

Không phát sinh nước thải sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Bể tự hoạt 3 ngăn → Hệ thống thu gom nước thải của công ty → Hố ga tập trung → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, không xả trực tiếp ra môi trường; Công khai,

minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; Kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật.

3.3. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.



**Phụ lục 2**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 122.6.5./GPMT-UBND ngày 31. tháng 1.0 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn sơn.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải****2.1. Vị trí xả khí thải: 02 ống thải**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với nguồn số 1, là dòng khí thải tại ống thải số 1 sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn; tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1193179; Y: 417378.

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với nguồn số 1, là dòng khí thải tại ống thải số 2 sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn; tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1193181; Y: 417378.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>45, múi chiều 3<sup>0</sup>)

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 7.500 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 7.500 m<sup>3</sup>/giờ.

- Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả thải liên tục 24/24.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ Quy chuẩn Việt Nam 19:2009/BTNMT, cột B, K<sub>v</sub>=1,0, K<sub>p</sub>=1 cụ thể như sau:

STT	Thành phần môi trường quan trắc	QCVN 19:2009/BTN MT Cột B, K <sub>v</sub> =1,0; K <sub>p</sub> =1)	QCVN 20: 2009/BTN MT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	Bụi	200	-		
3	Butyl axetate	-	950		
4	Xylen	-	870		



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn sơn. Lưu lượng tối đa: 15.000 m<sup>3</sup>/giờ. Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường thông qua 02 ống thải bằng thép đường kính 600mm, cao 9m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý hệ thống xử lý dung môi bằng màng nước:

+ *Quy trình công nghệ*: Bụi và hơi dung môi từ buồng sơn ướt → Màng nước → Quạt hút → Ống thải → Môi trường.

+ Công suất: 15.000 m<sup>3</sup>/giờ

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý dung môi bằng màng nước, công suất 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 ống thải như phần A

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu.

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: Việc quan trắc khí thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải; Thu gom, xử lý triệt khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn môi trường quy định. Thường xuyên kiểm tra, thay thế lớp vật liệu hấp thụ để đảm bảo hiệu quả xử lý.

3.2. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động của dự án.



**Phụ lục 3 -**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12865/GPMT-UBND ngày 31 tháng 10 năm  
 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Khu vực cắt;
- Nguồn số 02: Khu vực hàn vuông;
- Nguồn số 03: Khu vực cuộn ống;
- Nguồn số 04: Khu vực hàn ống;
- Nguồn số 05: Khu vực hàn nối;
- Nguồn số 06: Khu vực dập định hình;

1.2. Nguồn phát sinh độ rung: không phát sinh

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực cắt; tọa độ: X = 1193170; Y = 417388.
- Nguồn số 02: Khu vực hàn vuông; tọa độ: X = 1193171; Y = 417388.
- Nguồn số 03: Khu vực cuộn ống; tọa độ: X = 1193175; Y = 417381.
- Nguồn số 04: Khu vực hàn ống; tọa độ: X = 1193078; Y = 417412.
- Nguồn số 05: Khu vực hàn nối; tọa độ: X = 1193125; Y = 417416.
- Nguồn số 06: Khu vực dập định hình; tọa độ: X = 1193192; Y = 417375.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung:** Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và Quy chuẩn Việt Nam 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; Quy chuẩn Việt Nam 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn



STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương ( $L_{aeq}$ - dBA)		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

### 3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;
- Phân bố các nguồn gây ồn cao ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý;
- Lắp đặt các đệm cao su cho máy móc thiết bị phát sinh độ rung cao;
- Tăng cường các vách ngăn nhà xưởng, tường ngăn giữa các khu vực có máy móc thiết bị có thể gây ồn lớn bằng vật liệu có khả năng cách âm nhằm hạn chế tác động đến công nhân làm việc ở các khu vực khác;
- Trang bị nút tai chống ồn và các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân làm việc ở khu vực sản xuất và có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân (đặc biệt lưu ý kiểm tra chặt chẽ tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao), đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân;
- Định kỳ tổ chức đo kiểm tra tiếng ồn nơi làm việc tối thiểu 1 lần/năm;
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.

### 2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



2.2. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn Việt Nam 24:2016/BTNMT) và độ rung (Quy chuẩn Việt Nam 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.





**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ**  
**SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 129.62/GPMT-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã chất thải nguy hại	Ký hiệu phân loại
1	Nước thải có chứa thành phần nguy hại	Lỏng	18.432	19 10 01	KS
2	Bùn thải lẫn sơn hoặc véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	Bùn	23	08 01 02	KS
3	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01	KS
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	Rắn	30	18 01 01	KS
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	63,6	18 01 02	KS
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	Rắn	15,9	18 01 03	KS
7	Keo thải	Lỏng	20	08 03 01	KS
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	16 01 06	KS
	<b>Tổng khối lượng</b>	-	<b>18.644,5</b>	-	



## 1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Thép thải	Rắn	11 04 03	TT-R	200.400
2	Giấy phế liệu	Rắn	18 01 05	TT-R	1.450
3	Bao bì nylon	Rắn	18 01 06	TT-R	691,2
4	Thùng carton	Rắn	18 01 05	TT-R	50
5	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	10 02 09	TT	1.263.6
<b>Tổng cộng</b>					<b>203.854,8</b>

## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Nhóm CTRSH	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	-	6.912
	- <i>Chất thải rắn thực phẩm</i>	-	3.456
	- <i>Chất thải rắn có thể sử dụng tái chế</i>	-	1.036,8
	- <i>Chất thải rắn sinh hoạt khác</i>	-	2.419,2
<b>Tổng cộng</b>			<b>6.912</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng.

#### 2.1.2. Khu lưu chứa:

- Thiết kế, cấu tạo và diện tích khu lưu chứa:

+ Diện tích: 10 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông, tường bao, gờ chống tràn, cửa khóa và dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại. Vị trí bố trí theo đúng quy định tại Điều 35 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng dung tích 240L bố trí tại các nhà xưởng sản xuất và chuyển về kho chứa chất thải thông thường.

#### 2.2.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa: 10 m<sup>2</sup>.



- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Nền bê tông, tường bao xung quanh, mái che bằng tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 03 thùng chứa chuyên dụng 240L có nắp đậy, được đặt bên ngoài tuyến đường nội bộ của nhà máy.

**3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:** Không có.

#### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~12965~~/GPMT-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

1. Hoạt động đúng ngành đã đăng ký thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6558184882 chứng nhận lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 10 năm 2023 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.
2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nối nước mưa, nước thải vào hệ thống thu gom nước mưa, nước thải của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật có liên quan.
6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả.
9. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, an toàn hóa chất, tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành.
10. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.
11. Chỉ được triển khai cho thuê nhà xưởng khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, Luật đất đai năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các quy định pháp luật có liên quan. Đơn vị thuê nhà xưởng phải thực hiện đầy đủ các thủ tục môi trường theo quy định trước





khi hoạt động.

12. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.